

Số: /SKHCN-VP
V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025
của Chính phủ

Cao Bằng, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Quỹ Phát triển KH&CN;
- Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN;
- Các Doanh nghiệp Viên thông trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1518/VP-VX ngày 16/4/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham mưu thực hiện Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ.

Để đảm bảo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến Nghị định nắm bắt và áp dụng đầy đủ, chính xác, kịp thời nội dung Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ). Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) triển khai Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ tới các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở KH&CN tại địa chỉ: <https://sokhcn.caobang.gov.vn/>. Cụ thể như sau:

1. Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 2 Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9; khoản 1, 2 Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Nghị quyết 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Nghị định gồm 04 Chương, 33 Điều. Trong đó có một số điểm nổi bật:

2.1. Đối với việc viên chức, viên chức quản lý tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thành lập (Điều 4, Chương II)

(1) Trường hợp có nhu cầu tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập thành lập hoặc tham gia thành lập, viên chức, viên chức quản lý phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức, cơ sở quản lý viên chức.

(2) Người đứng đầu tổ chức, cơ sở quản lý viên chức quyết định cử viên chức, viên chức quản lý tham gia điều hành, quản lý hoặc làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức, cơ sở đó thành lập hoặc tham gia thành lập. Quyết định cử viên chức phải quy định rõ:

- a) Thời gian, hình thức (kiêm nhiệm, biệt phái, điều động, đại diện phần vốn góp);
- b) Đơn vị chi trả lương, thưởng, phụ cấp;
- c) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đối với tổ chức, cơ sở cử viên chức và đối với doanh nghiệp mà viên chức, viên chức quản lý tham gia quản lý, điều hành, làm việc.

(3) Quyền, nghĩa vụ của viên chức, viên chức quản lý khi tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp bao gồm:

- a) Được trả lương, thưởng và các phụ cấp bảo đảm không thấp hơn mức hiện hưởng của viên chức, viên chức quản lý;
- b) Được tổ chức, cơ sở cử tham gia quản lý, điều hành, làm việc và doanh nghiệp nơi viên chức làm việc bảo đảm đầy đủ quyền lợi của viên chức, bao gồm đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá xếp loại, khen thưởng, kỷ luật;
- c) Được bố trí công việc phù hợp khi hết thời hạn cử làm quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp. Chế độ, chính sách không thấp hơn thời điểm viên chức, viên chức quản lý được cử tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp;
- d) Thực hiện đầy đủ nội quy, quy chế của doanh nghiệp nơi làm việc;
- đ) Viên chức tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ của viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm được giao.

2.2. Đối với quản lý tài chính, kinh phí, lập dự toán (Chương II):

(1) Việc hoàn trả kinh phí trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN không đạt được kết quả cuối cùng như dự kiến (Điều 5, Chương II)

Trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được thuyết minh nhưng không đạt được kết quả cuối cùng như dự kiến, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước số kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ, trừ các khoản kinh phí sau:

- Kinh phí đã cấp cho nhiệm vụ KH&CN tại tài khoản tiền gửi ở Kho bạc Nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ mà chưa sử dụng sau khi trừ đi số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là số tiền tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ, công lao động đã thực hiện mà chưa được thanh toán.

- Kinh phí tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã tạm ứng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu hoặc cung ứng hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thực hiện. Kinh phí này được xác định tương ứng với phần công việc, hàng hóa, dịch vụ chưa thực hiện.

- Kinh phí đã sử dụng không đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

(2) Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán chi sự nghiệp KH&CN (Điều 6, Chương II)

a) Việc lập dự toán:

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là bộ, cơ quan Trung ương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là địa phương) xây dựng dự toán kinh phí chi sự nghiệp KH&CN hàng năm gửi cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN (Bộ KH&CN, Sở KH&CN) đề rà soát, tổng hợp, trong đó:

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN dự kiến triển khai trong năm kế hoạch thực hiện thông qua cơ chế quỹ được lập theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 193/2025/QH15;

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN dự kiến triển khai trong năm kế hoạch không thực hiện thông qua cơ chế quỹ và các nhiệm vụ chi khác sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN được lập theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về KH&CN;

- Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN (Bộ KH&CN, Sở KH&CN) có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng phương án phân bổ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN gửi cơ quan tài chính cùng cấp (Bộ Tài chính, Sở Tài chính);

- Cơ quan tài chính (Bộ Tài chính, Sở Tài chính) có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN (Bộ KH&CN, Sở KH&CN) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm.

b) Việc phân bổ dự toán:

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách chi sự nghiệp KH&CN (bao gồm chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới như sau:

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ dự kiến thực hiện trong năm ngân sách thông qua các quỹ phát triển KH&CN, trong đó: Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN quốc gia được cấp về quỹ phát triển KH&CN quốc gia;

Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, địa phương được cấp về quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp hàng năm để triển khai các nhiệm vụ KH&CN thông qua các quỹ phát triển KH&CN được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc Nhà nước.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không thuộc phạm vi cấp kinh phí vào các quỹ phát triển KH&CN quy định tại điểm a khoản này và các nhiệm vụ chi khác sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN: đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ về đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN:

- Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp thông qua các quỹ phát triển KH&CN, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

- Đối với kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không thuộc quy định tại điểm a khoản này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này và thực hiện thanh toán, chi trả qua Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước hiện hành;

- Đối với kinh phí sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN không thuộc điểm a và điểm b khoản này, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí trong năm ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học và công nghệ.

d) Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2.3. Đối với hoạt động thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức chủ trì là cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 9, Chương II)

(1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản chủ động công bố thông tin và có biện pháp thúc đẩy việc đưa tài sản là kết quả của việc triển khai nhiệm vụ KH&CN vào sử dụng, phát huy và thương mại hóa theo các hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 193/2025/QH15.

(2) Thực hiện quyền tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm trong việc thương mại hóa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 193/2025/QH15 thực hiện như sau:

a) Việc sử dụng tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN vào mục đích cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ và liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Việc thương mại hóa theo các hình thức cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng và liên doanh, liên kết phải được lập thành Hợp đồng. Hợp đồng có các nội dung cơ bản: thời gian cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng và liên doanh, liên

kết; quyền và nghĩa vụ liên quan đến quản lý tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN; giá cho thuê (chuyển giao quyền sử dụng); phương án phân chia kết quả thu được từ thương mại hóa và các nội dung khác. Việc thương mại hóa theo hình thức tự tổ chức kinh doanh dịch vụ, đơn vị tự quyết định phương án kinh doanh dịch vụ;

b) Việc quản lý, sử dụng kết quả thu được từ hoạt động cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ và liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lưu hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ và liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới để bảo đảm trách nhiệm giải trình với cơ quan chức năng;

d) Cơ quan chức năng khi thực hiện kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thì thực hiện kiểm tra hoạt động sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ và liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

(3) Kết quả thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ và liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới thực hiện như sau:

a) Việc quản lý, sử dụng kết quả thu được là hiện vật được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý theo pháp luật và theo Quy chế;

b) Kết quả thu được là tiền thì thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

(4) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng, kinh doanh dịch vụ và số tiền được phân chia từ kết quả liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới được hạch toán riêng và kế toán đầy đủ theo quy định của pháp luật về kế toán.

2.4. Các điều kiện, căn cứ hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G (Điều 15, Chương III)

(1) Doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 193/2025/QH15 khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp viễn thông đã hoàn thành triển khai tối thiểu 20.000 trạm phát sóng 5G trên toàn quốc (tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được nghiệm thu đưa vào sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 19/2/2025 đến hết ngày 31/12/2025;

b) Trạm 5G lắp đặt tại các vị trí hạ tầng sẵn có hoặc được triển khai mới. Mỗi trạm 5G chỉ được tính cho một nhà mạng duy nhất;

c) Trạm 5G được lắp đặt ngoài trời (outdoor), sử dụng các thiết bị 64T64R, 32T32R, 16T16R, 8T8R, 4T4R. Mỗi trạm có từ 1 khối thu phát vô tuyến trở lên;

d) Doanh nghiệp viễn thông đã đề xuất kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G với Bộ KH&CN theo quy định.

(2) Đề xuất kế hoạch của doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp gửi văn bản đề xuất kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G kèm theo Kế hoạch triển khai hạ tầng mạng 5G trong năm 2025 của doanh nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

(3) Căn cứ hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G gồm:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận kết quả triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G cho doanh nghiệp đủ điều kiện được hỗ trợ tài chính;

b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về chi phí thiết bị bình quân cho một trạm phát sóng 5G được mua trong năm 2025 của các doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ, được xác định theo từng chủng loại và xuất xứ hàng hóa của nhà sản xuất (nước phát triển hoặc nước đang phát triển);

c) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp đủ điều kiện được hỗ trợ tài chính triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G;

d) Đã bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước hỗ trợ triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2.5. Lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G (Điều 17, Chương III)

(1) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G từ nguồn chi đầu tư phát triển khác của ngân sách trung ương. Việc lập dự toán, thực hiện và quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính triển khai nhanh hạ tầng 5G được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

(2) Lập dự toán kinh phí hỗ trợ tài chính triển khai nhanh hạ tầng 5G:

a) Trên cơ sở đề xuất kế hoạch, dự toán của doanh nghiệp quy định tại [khoản 2 Điều 15 Nghị định này](#), Bộ KH&CN rà soát, tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng 5G gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hàng năm. Trong đó, chi phí thiết bị bình quân trạm phát sóng 5G theo từng loại cấu hình và xuất xứ hàng hoá của nhà sản xuất để lập dự toán được lấy theo đề xuất của doanh nghiệp;

b) Trên cơ sở đề xuất của Bộ KH&CN tại điểm a khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính tổng hợp dự toán của ngân sách trung ương hỗ trợ cho doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G. Tổng số tiền bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ này không vượt quá tổng số tiền trúng đấu giá của các cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đã được Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ KH&CN) phê duyệt kết quả trúng đấu giá trong năm 2024. Đơn vị được đề nghị giao dự toán là Bộ KH&CN.

(3) Thực hiện dự toán:

a) Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ KH&CN có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán theo thẩm quyền;

b) Hồ sơ Bộ KH&CN giải ngân kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm:

Dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Quyết định của Thủ tướng Chính quy định tại [điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định này](#);

Chứng từ chuyển tiền (Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước - thực chi).

c) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra đảm bảo có trong dự toán và mức hỗ trợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện thanh toán cho doanh nghiệp trong thời gian 02 ngày làm việc.

4. Quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính để triển khai nhanh hạ tầng 5G: Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ lập báo cáo quyết toán kinh phí đã hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

2.6. Quản lý sử dụng ngân sách nhà nước về kế toán hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng 5G (Điều 18, Chương III)

(1) Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G đáp ứng điều kiện hỗ trợ tài chính theo quy định tại Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị định này là khoản hỗ trợ tài chính không hình thành tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

(2) Doanh nghiệp thực hiện hạch toán khoản hỗ trợ tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán có vướng mắc, Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện.

2.7. Tiêu chí, nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam (Điều 25, Chương III)

(1) Tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Đã tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế, sản xuất chip bán dẫn;

c) Có vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính trong năm gần nhất nộp hồ sơ đáp ứng ít nhất 50% tổng mức đầu tư của dự án.

(2) Nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về mục đích sử dụng, kỹ thuật, công nghệ sau:

a) Mục đích sử dụng: Nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng hoàn chỉnh của Việt Nam;

b) Công nghệ: Si CMOS có kích thước node từ 65 nm trở xuống hoặc Compound từ 250 nm trở xuống;

c) Công suất: Tối thiểu 1.000 wafer/tháng;

d) Nhà máy nghiệm thu đưa vào sản xuất trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

(3) Nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp Việt Nam đầu tư xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao:

a) Lựa chọn doanh nghiệp Việt Nam có đề xuất công nghệ cao nhất (kích thước node nhỏ nhất) tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp có từ 02 doanh nghiệp Việt Nam trở lên có cùng mức đề xuất về công nghệ thì lựa chọn doanh nghiệp có đề xuất mức công suất cao hơn;

c) Trường hợp có từ 02 doanh nghiệp Việt Nam trở lên có cùng mức đề xuất về công nghệ và mức công suất thì sẽ lựa chọn doanh nghiệp có đề xuất mức đầu tư dự án thấp hơn;

d) Trường hợp có từ 02 doanh nghiệp Việt Nam trở lên có cùng mức đề xuất về công nghệ, mức công suất, mức đầu tư thì sẽ lựa chọn doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu cao hơn nếu tại báo cáo tài chính trong năm gần nhất.

2.8. Mức hỗ trợ tài chính cụ thể và kinh phí thực hiện (Điều 27, Chương III)

(1) Trên cơ sở quyết toán dự án hoàn thành do người quyết định phê duyệt dự án đầu tư và được Kiểm toán nhà nước kết luận, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính, Bộ KH&CN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức hỗ trợ tài chính cụ thể cho doanh nghiệp Việt Nam được lựa chọn đầu tư xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam.

(2) Mức hỗ trợ tài chính cụ thể được xác định trên cơ sở 30% tổng giá trị quyết toán dự án đầu tư hoàn thành và không vượt quá 10.000 tỷ đồng trong trường hợp nhà máy nghiệm thu đưa vào sản xuất trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

(3) Giá trị quyết toán dự án đầu tư hoàn thành xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao nêu trên do Kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm toán dự án và kết luận kết quả. Doanh nghiệp Việt Nam được lựa chọn hỗ trợ tài chính chịu trách nhiệm chi trả chi phí kiểm toán dự án theo quy định của pháp luật.

(4) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp Việt Nam xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam từ nguồn chi đầu tư phát triển khác của ngân sách trung ương. Việc lập dự toán, thực hiện và quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp Việt Nam xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam được thực hiện theo quy định tại [Điều 28 Nghị định này](#).

(5) Hàng năm, doanh nghiệp Việt Nam được lựa chọn hỗ trợ tài chính có trách nhiệm lập dự toán gửi Bộ KH&CN. Bộ KH&CN gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách trung ương trình các cấp thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

(6) Doanh nghiệp thực hiện hạch toán khoản hỗ trợ tài chính quy định tại khoản 4 Điều này theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán có vướng mắc, Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện.

2.9. Về trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và loại trừ một số yếu tố khi thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Điều 31, Chương III)

(1) Doanh nghiệp đầu tư dự án xây dựng dự án nhà máy đầu tiên phục vụ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế, chế tạo thử, kiểm chứng công nghệ và sản xuất chip bán dẫn chuyên dụng của Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 193/2025/QH15, trong thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án, hàng năm được trích lập cao hơn 10% nhưng tối đa không quá 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để bổ sung cho dự án và không vượt quá tổng mức đầu tư của dự án. Doanh nghiệp không được hạch toán các khoản chi từ Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

(2) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng mạng 5G, tham gia góp vốn hoặc là chủ đầu tư dự án phát triển các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển, đầu tư xây dựng dự án nhà máy đầu tiên, thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa được tính toán khi cơ quan đại diện chủ sở hữu giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, dẫn đến phát sinh lỗ thì doanh nghiệp được loại trừ khoản lỗ của những dự án này và số trích lập tăng thêm vào Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp khi đánh giá, xếp loại doanh nghiệp trong năm tài chính thực hiện dự án. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm hạch toán riêng doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh của dự án.

2.10. Hiệu lực thi hành (Điều 32, Chương III)

(1) Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 4 năm 2025.

(2) Quy định tại [Điều 10 và Điều 11 Nghị định này](#) được áp dụng kể từ ngày Nghị quyết số [193/2025/QH15](#) có hiệu lực thi hành.

(3) Đối với nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt kể từ ngày Nghị quyết số [193/2025/QH15](#) có hiệu lực thi hành các quy định về khoản chi theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 193/2025/QH15.

Đối với nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt trước ngày Nghị quyết số [193/2025/QH15](#) có hiệu lực thì thực hiện các quy định về khoán chi theo quy định của pháp luật có liên quan tại thời điểm phê duyệt.

(4) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số [51/2019/NĐ-CP](#) ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số [51/2019/NĐ-CP](#)) như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 51/2019/NĐ-CP như sau:

“a) Không thực hiện việc định giá dựa trên tư vấn thẩm định giá công nghệ khi chuyển giao công nghệ giữa các bên mà một hoặc nhiều bên có vốn nhà nước, trừ trường hợp công nghệ là kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;”;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 51/2019/NĐ-CP.

(5) Bãi bỏ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

(6). Bãi bỏ Điều 5 Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(7) Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị định này với Nghị định khác của Chính phủ thì áp dụng quy định của Nghị định này. Trường hợp Nghị định khác có quy định chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị định này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng thông tin đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị biết và thực hiện theo quy định./.

(Gửi kèm toàn văn Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng và đơn vị thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nông Thị Thanh Huyền